BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

17/10/2020

Tổng quan thị trường

16/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	**943.30**	**0.06%**	**901.59**	**0.27%**	**139.82**	**0.12%**
Cuối tuần trước	924.00	2.09%	874.53	3.09%	136.91	2.13%
Trung bình 20 ngày	919.85	2.55%	869.82	3.65%	135.42	3.26%
Tổng KLGD (triệu cp)	**443.33**	**-5.78%**	**179.18**	**-2.80%**	**48.31**	**-28.11%**
KLGD khớp lệnh	**395.58**	**-10.02%**	**157.35**	**-6.11%**	**45.06**	**-28.29%**
Trung bình 20 ngày	398.90	-0.83%	131.33	19.81%	58.66	-23.19%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	**9,275.54**	**-1.39%**	**5,278.85**	**-6.01%**	**651.52**	**-38.84%**
GTGD khớp lệnh	**7,983.20**	**-4.99%**	**4,625.57**	**-7.12%**	**617.34**	**-36.72%**
Trung bình 20 ngày	6,853.07	16.49%	3,407.29	35.76%	762.30	-19.02%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	170	36%	13	43%	58	16%
Số mã giảm	235	50%	16	53%	88	25%
Số mã đứng giá	68	14%	1	3%	209	59%

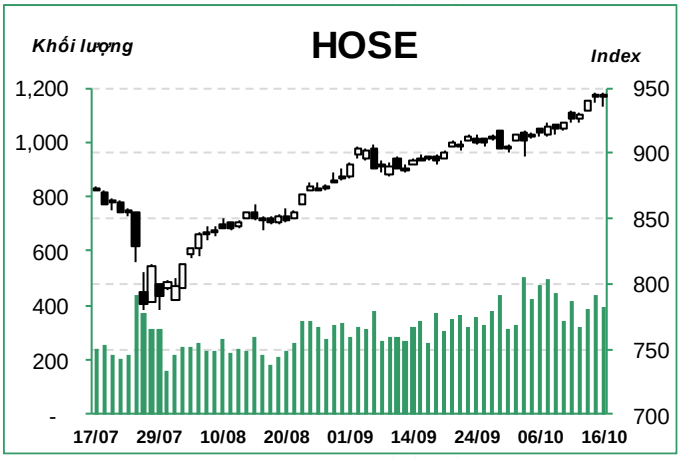

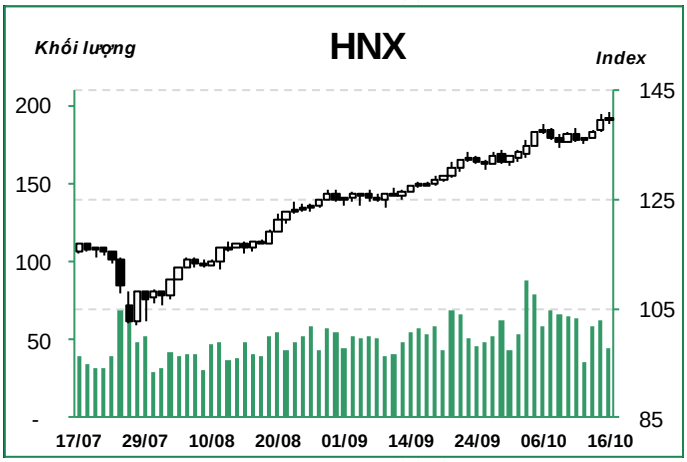

Thị trường chốt phiên giao dịch cuối cùng của tuần với xu hướng chính nghiêng về giằng co. Mặc dù vẫn có một số cổ phiếu trụ ghi nhận mức tăng điểm ấn tượng, áp lực chốt lời gia tăng và lan tỏa đến toàn thị trường đã khiến các chỉ số đóng cửa với mức tăng điểm không thực sự đáng kể.

Trên sàn HoSE, VN-Index chốt phiên tại mức 943.30 điểm (+0.06%). KLGD khớp lệnh đạt 395.6 triệu cổ phiếu (-10.0%), tương đương 7,983 tỷ đồng giá trị (-5.0%). Chỉ số tiếp tục duy trì tình trạng "xanh vỏ đỏ lòng" với số mã giảm chiếm đa số, 235 mã giảm so với 170 mã tăng.

Sự phân hóa diễn ra ở hầu hết các nhóm ngành. Với Vietinbank-CTG (+3.7%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.0%), FPT-FPT (+3.9%) và VPBank-VPB (+2.3%) là những cổ phiếu vốn hóa lớn có ảnh hưởng tích cực nhất đến chỉ số trong khi sức ép đến từ Vinhomes-VHM (-0.6%), Vietcombank-VCB (-0.5%) và đặc biệt là Masan-MSN (-1.4%). Dù có lúc bị bán giảm sàn trong phiên nhưng cổ phiếu này đã hồi phục sau đó. Với nhóm midcap và penny, một số cổ phiếu có sự khởi sắc đáng chú ý trong phiên hôm nay là Đất Xanh-DXG (+6.7%), Đạm Cà Mau-DCM (+4.6%), Công ty Cổ phần Phú Tài-PTB (+3.6%) hay Đầu tư & TM SMC-SMC (+6.8%).

Khối ngoại gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HoSE, đạt giá trị 383.1 tỷ đồng (+43.4%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Masan-MSN (-254.8 tỷ), Vietinbank-CTG (-75.7 tỷ), VPBank-VPB (-27.5 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được khối này mua ròng nhiều là Vietcombank-VCB (+33.2 tỷ), Vingroup-VIC (+30.8 tỷ) và Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+28.9 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng đóng cửa tăng điểm nhẹ tại mức 139.82 điểm (+0.12%). Thanh khoản lại sụt giảm với

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
	HOSE	
TCB	9,756.0	220.21
PNJ	1,663.9	113.19
TPB	3,200.0	79.60
HDB	3,010.6	74.96
BVH	1,372.6	73.02
VPB	2,830.0	66.53
DBD	1,112.2	52.89
KDH	1,900.0	45.03
IBC	2,000.0	41.00
SAB	205.0	38.49
	HNX	
NVB	800.0	8.16
S99	347.3	7.43
ICG	651.4	4.56
HMH	404.8	3.28
SHB	200.0	3.07
PPP	194.0	2.33
GKM	109.5	1.80
TIG	200.0	1.45
DST	275.0	0.80
HLD	30.0	0.78

KLGD khớp lệnh đạt 45.1 triệu cổ phiếu (-28.3%), tương đương 617.3 tỷ đồng giá trị (-36.7%).

Những trụ cột đóng góp vào đà tăng điểm cho HNX-Index hôm nay là Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.8%), Vinaconex-VCG (+1.6%), Vicostone-VCS (+0.8%). Ở chiều ngược lại, 2 cổ phiếu tăng khá tốt trong phiên hôm qua là Idico-IDC (-2.3%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.6%) bắt đầu bị chốt lời gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh trên sàn HNX, đạt giá trị 8.5 tỷ đồng (+2.6%). Trong đó, Dầu khí PTSC-PVS (+8.0 tỷ), Nhựa Tiền Phong-NTP (+1.1 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.7 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều. Trái lại, Mía đường Sơn La-SLS (-1.7 tỷ), Vicostone-VCS (-0.3 tỷ), Viễn thông VTC-VTC (-0.2 tỷ) được khối này bán ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ sáu liên tiếp. Khối lượng giao dịch tuy có suy giảm nhưng vẫn ở trên bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền có thể vẫn còn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số đang nằm trên MA5 cùng với MA5, 10, 20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy chỉ số vẫn giữ được xu hướng phục hồi. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể tiếp tục bứt phá đi lên thử thách ngưỡng 982.8 điểm (Fib 161.8). Tuy nhiên, trên đồ thị nến ngày đang hình thành nến Doji cùng với RSI hướng lên vùng 78 cho tín hiệu mua thái quá. Do đó, không loại trừ chỉ số có thể sẽ có một nhịp điều chỉnh rũ bỏ tại vùng điểm số hiện tại về vùng hỗ trợ xu hướng quanh 918-920 điểm (MA20). Vì vậy, nhà đầu tư cần thận trọng với các vị thế mua đuổi giá cao. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có phiên diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp nhưng đang hình thành nến thân hẹp dần, cho thấy đà tăng có phần chững lại. Do đó, không loại trừ chỉ số có thể cần một nhịp điều chỉnh rũ bỏ về vùng hỗ trợ xu hướng quanh 134.8-135 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng phục hồi. Tuy nhiên, các tín hiệu cảnh báo về sự suy giảm đà tăng đang dần xuất hiện và thị trường có thể cần một nhịp điều chỉnh nhằm củng cố lại xu hướng hiện tại. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc tới việc hiện thực hóa một phần tỷ trọng nhằm tạo vị thế tốt để tái gia nhập khi thị trường trải qua nhịp rũ bỏ.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
VAF	8.3	0.0	7.0%
MHC	6.2	389.2	7.0%
TTF	7.3	6,486.9	6.9%
TTE	8.8	0.0	6.9%
SMC	12.5	918.3	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
SAM	9.3	339.8	-7.0%
HAS	7.7	51.2	-7.0%
DAT	33.5	6.7	-6.9%
CMV	12.1	0.0	-6.9%
TCR	3.5	0.5	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	22.7	620.2	-0.9%
MSN	80.0	517.8	-1.4%
HPG	29.1	506.4	0.2%
CTG	31.2	400.4	3.7%
FPT	53.2	304.7	3.9%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
TCB	22.7	27,075.4	-0.9%
HPG	29.1	17,319.1	0.2%
TCH	21.1	14,283.4	0.5%
DXG	11.9	13,617.2	6.7%
STB	13.8	13,048.2	-0.7%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
PJC	25.3	0.1	10.0%
BAX	62.8	27.7	10.0%
MKV	15.9	0.1	9.7%
KVC	1.2	377.7	9.1%
PSD	12.1	88.1	9.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.5	719.3	-16.7%
VTC	9.9	16.2	-10.0%
HKB	0.9	990.6	-10.0%
TTT	36.5	1.6	-9.9%
KTT	3.7	90.1	-9.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	24.7	215.3	0.8%
PVS	13.9	69.7	0.7%
SHB	16.2	42.8	-0.6%
SHS	13.6	32.8	0.0%
NVB	9.2	21.9	-1.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa (‘000)	KLGD (‘000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	24.7	8,719.0	0.8%
PVS	13.9	5,012.5	0.7%
SHB	16.2	2,619.2	-0.6%
SHS	13.6	2,416.1	0.0%
NVB	9.2	2,409.2	-1.1%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	849.7	9.2%	1,232.8	13.3%	-383.1
HNX	11.8	1.8%	3.3	0.5%	8.5
Tổng số	**861.5**		**1,236.1**		**-374.6**

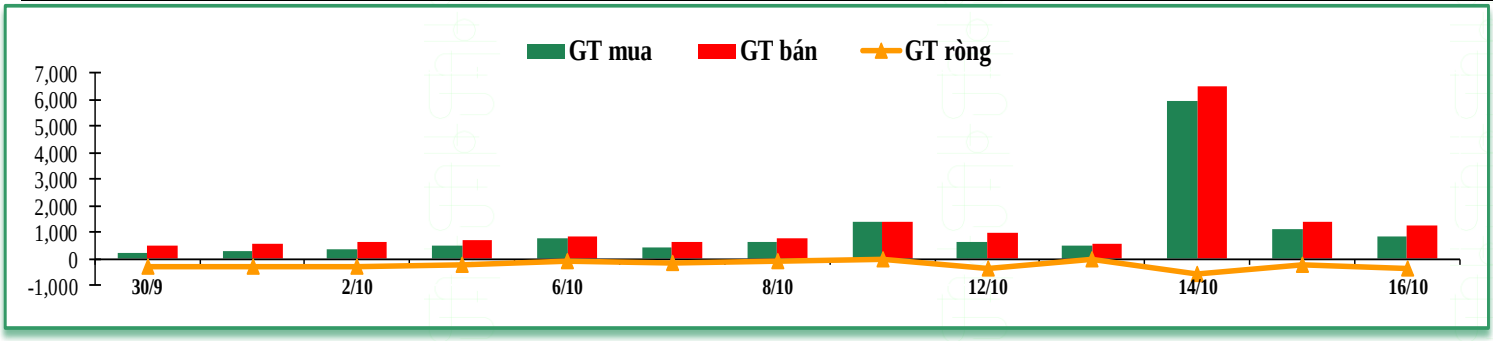

HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	22.7	131.1	-0.9%
PNJ	68.1	92.3	4.8%
VNM	107.4	79.9	-0.1%
BVH	53.9	76.0	-0.2%
HDB	24.8	75.9	0.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MSN	80.0	257.7	-1.4%
TCB	22.7	130.5	-0.9%
PNJ	68.1	92.3	4.8%
CTG	31.2	82.5	3.7%
HDB	24.8	77.0	0.8%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	88.2	33.2	-0.5%
VIC	97.6	30.8	0.1%
GVR	14.0	28.9	3.0%
VNM	107.4	24.7	-0.1%
DCM	12.6	21.9	4.6%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.9	8.0	0.7%
NTP	33.3	1.1	1.2%
IDV	52.8	0.7	-0.4%
SHS	13.6	0.5	0.0%
DNM	50.0	0.3	4.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SLS	78.0	1.7	1.2%
VCS	75.9	0.3	0.8%
VTC	9.9	0.2	-10.0%
DTD	20.5	0.2	-9.7%
BVS	11.3	0.1	-0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	13.9	8.0	0.7%
NTP	33.3	1.1	1.2%
IDV	52.8	0.7	-0.4%
SHS	13.6	0.5	0.0%
DNM	50.0	0.2	4.2%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin trong nước

VietinBank lấy ý kiến cổ đông trả cổ tức bằng cổ phiếu

VietinBank (HoSE: CTG) tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế và trích quỹ 3 năm 2017, 2018, 2019. Ngày đăng ký cuối cùng là 5/11. Ngày gửi phiếu lấy ý kiến cho cổ đông dự kiến 13/11, tiếp nhận ý kiến đến hết ngày 23/11.

Chính phủ trước đó đã ban hành Nghị định 121/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Theo đó, bổ sung các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ vào danh mục doanh nghiệp được tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp này.

Việc sửa đổi nghị định trên đã tạo cơ sở pháp lý, giúp các NHTM Nhà nước như Agribank, VietinBank, Vietcombank, BIDV có thể tăng vốn điều lệ qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Thêm VIB chính thức được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên HoSE

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) vừa thông báo chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với mã chứng khoán VIB, số lượng niêm yết là hơn 924,49 triệu cp.

Cổ phiếu VIB giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 9/1/2017 đến nay. Cách đây hơn 1 tuần, VIB cũng đã thông qua việc huỷ đăng ký giao dịch trên UPCoM để niêm yết trên sàn HoSE.

Như vậy, VIB là ngân hàng thứ hai được chấp thuận niêm yết trên sàn chứng khoán HoSE trong năm 2020, sau LienVietPost Bank. MSB và ACB cũng đã nộp hồ sơ niêm yết lên HoSE.

VIB cũng đã công bố kết quả kinh doanh quý 3 đạt 1.668 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 30% so với quý 2/2020 và tăng 52% so với quý 3/2019.

Lũy kế 9 tháng, tổng doanh thu của VIB đạt 7.854 tỷ đồng, tăng 34%; lợi nhuận trước thuế đạt 4.025 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đạt 1.637 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21% tổng doanh thu, tỷ lệ chi phí hoạt động trên doanh thu duy trì ở mức 40%. Chi phí dự phòng tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. ROE bình quân đạt 28,9%, thuộc nhóm cao nhất ngành.

Ngày 30/9, tổng tài sản của ngân hàng VIB đạt trên 213 nghìn tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt trên 151.000 tỷ đồng, tăng 14,2% so với đầu năm, cao gần gấp 3 lần so với trung bình ngành. Tỷ lệ nợ xấu thấp dưới 2%, giảm so với quý 2.

VIB có vốn điều lệ hiện ở mức 9.244 tỷ đồng. Hồi tháng 9, ngân hàng đã được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 9.244 tỷ đồng lên 11.093 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hàng loạt doanh nghiệp báo lợi nhuận quý III tăng tính bằng lần

Doanh nghiệp thép bứt phá lợi nhuận

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông báo doanh thu quý III đạt 24.900 tỷ đồng, tăng 62,7% và lợi nhuận sau thuế 3.785 tỷ đồng, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm trước. Công ty tiếp tục lập kỷ lục về lợi nhuận tính theo quý.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu doanh nghiệp thép đạt 65.000 tỷ đồng, tăng 40%; lợi nhuận sau thuế 8.845 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ 2019. Như vậy, sau 9 tháng, Hòa Phát thực hiện 75,6% kế hoạch doanh thu và 98% kế hoạch lợi nhuận năm.

Lĩnh vực sắt thép và nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong đà tăng trưởng của Hòa Phát. 9 tháng, Hòa Phát tiêu thụ 4 triệu tấn thép thô, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi hoạt động nông nghiệp đóng góp khoảng 12% doanh thu và 15% lợi nhuận, tương ứng khoảng 7.800 tỷ đồng và 1.326 tỷ đồng.

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) vừa công bố ước lợi nhuận sau thuế quý IV niên độ tài chính 2019-2020 (từ ngày 1/7 đến ngày 30/9) đạt 400 tỷ đồng, gấp 4,8 lần cùng kỳ niên độ trước và là mức cao nhất tính từ quý II niên độ 2016-2017. Đồng thời, sản lượng tiêu thụ và doanh thu quý vừa qua cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 46% và 31% trong khi các quý trước giảm.

Lũy kế cả niên độ, sản lượng tiêu thụ tập đoàn ước đạt 1,62 triệu tấn, tăng 9% so với cùng kỳ và vượt 8% kế hoạch năm. Doanh thu ước đạt 27.538 tỷ đồng, giảm gần 2% và hoàn thành 98,4% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.100 tỷ đồng, gấp 3 lần so với cùng kỳ và gấp 2,8 lần so với kế hoạch.

Một công ty thép khác, Công ty Đầu tư Thương mại SMC (HoSE: SMC) công bố BCTC hợp nhất quý III với lãi sau thuế đạt 100 tỷ đồng, gấp 2,8 cùng kỳ năm trước. Đây là mức lãi cao nhất SMC ghi nhận trong 1 quý tính từ quý III/2016. Doanh thu trong quý giảm 2,5% nhưng giá vốn giảm mạnh hơn 5,6% giúp lãi gộp tăng 136% đạt 218 tỷ đồng.

Doanh nghiệp lý giải lợi nhuận tăng mạnh nhờ hoạt động sản xuất, gia công phát triển, năng xuất và sản lượng tiêu thụ tăng mạnh. Đồng thời, đơn vị sử dụng vốn tiết kiệm, mua hàng hợp lý và dự trữ tốt, quay vòng vốn nhanh. Giá nguyên liệu tăng đều và ổn định ở mức cao, thuận lợi cho tìm kiếm thêm lợi nhuận.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu giảm 13% xuống 11.257 tỷ đồng; lãi sau thuế tăng 41% lên 156 tỷ đồng. Công ty thực hiện 74% kế hoạch doanh thu và vượt 30% kế hoạch lợi nhuận.

Nhiều doanh nghiệp lãi quý III tăng tính bằng lần

Nhờ tiếp tục ghi nhận doanh thu chuyển nhượng căn hộ dự án Monarchy Block B, doanh thu và lợi nhuận của Công ty Đầu tư Phát triển Đà Nẵng (HNX: NDN) quý III đột biến so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu đạt 482 tỷ đồng, gấp 76,5 và lãi 173 tỷ đồng, gấp 11,2 lần quý III/2019.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

9 tháng, Nhà Đà Nẵng đạt doanh thu 697 tỷ đồng, lãi sau thuế 254 tỷ; lần lượt gấp 23 và 4,4 lần cùng kỳ năm trước.

Sông Ba (HoSE: SBA) công bố BCTC quý III với doanh thu gấp 2,4 lần cùng kỳ năm trước đạt 73,4 tỷ đồng; lãi sau thuế 32 tỷ, gấp 6,2. Nguyên nhân do diễn biến thời tiết trong kỳ thuận lợi, số ngày mưa nhiều hơn nên sản lượng điện tăng 164%.

Dù vậy, lũy kế 9 tháng, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp thủy điện vẫn giảm lần lượt 17,3% và 39% so với 9 tháng 2019 do sản lượng điện phát nửa đầu năm giảm hơn một nửa.

Tận dụng chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ cho các dòng xe lắp ráp trong nước đi vào hiệu lực, Dịch vụ Ôtô Hàng Xanh (Haxaco, HoSE: HAX) đã đẩy mạnh doanh số bán xe Mercedes-Benz. Nhờ vậy, doanh thu Haxaco quý III tăng 31% đạt 1.741 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gấp 3,7 lần cùng kỳ đạt hơn 51 tỷ đồng. Đây là mức doanh thu và lợi nhuận theo quý cao kỷ lục của doanh nghiệp.

Tính lũy kế 9 tháng, doanh thu công ty tăng 3% đạt 3.751 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 62,5 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2019.

Vinamilk lấy lại đà tăng trưởng 2 chữ số, lợi nhuận doanh nghiệp phân bón tiếp tục tăng mạnh

Vinamilk (HoSE: VNM) ước tổng doanh thu quý III đạt 15.561 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế tăng 16% đạt 3.106 tỷ đồng. Đà tăng trưởng của Vinamilk suy giảm trong 2 năm gần đây và mới phục hồi lại kể từ quý II năm nay, quý gần nhất doanh nghiệp đạt tăng trưởng 2 chữ số là quý I/2019.

Sau 9 tháng, doanh nghiệp sữa ước doanh thu tăng 7,4% lên mức 45.277 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế thu về 8.967 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ.

Đạm Phú Mỹ (HoSE: DPM) công bố tổng doanh thu 9 tháng ước đạt 6.000 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước; lãi trước thuế 664 tỷ đồng, gấp 4 cùng kỳ. Hầu hết các sản phẩm của doanh nghiệp phân bón đều tăng mạnh như sản lượng Đạm Phú Mỹ tăng 41%, NPK Phú Mỹ tăng 40%.

Tính riêng quý III, Đạm Phú Mỹ ghi nhận doanh thu 2.120 tỷ đồng, lãi trước thuế 170 tỷ đồng; lần lượt tăng 10,5% và 126% so với cùng kỳ năm trước.

Đạm Cà Mau (HoSE: DCM) cũng không kém cạnh khi công bố sản lượng tiêu thụ ure 9 tháng đạt 697.194 tấn, tăng 30% so với 9 tháng 2019. Mức tăng này đóng góp đáng kể từ việc xuất khẩu hơn 120.000 tấn ure trong quý III tới các nước như Thái Lan, Ấn Độ, Brazil…

Doanh nghiệp chưa tiết lộ kết quả kinh doanh 9 tháng nhưng tính đến 8 tháng lợi nhuận sau thuế ước đạt 424 tỷ đồng, gấp 8 lần kế hoạch năm và vượt con số 308 tỷ đồng thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2019.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	09/10/20	53.2	51.1	4.1%	56	9.6%	50	-2.2%	Xu hướng tăng đang mạnh lên

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	NTL	Quan sát mua	19/10/20	18.5	21	Nến tăng mạnh vol cao trở lại và phủ nhận nến giảm vol cao trước đó -> khả năng quay lại xu hướng tăng
2	ANV	Quan sát mua	19/10/20	19.8	23	Nhịp tích lũy tích cực trên vùng hỗ trợ với vol giảm dần -> một phiên tăng mạnh vol cao trở lại sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
3	KSB	Quan sát mua	19/10/20	31	35	Phiên tăng vol tăng trở lại sau các phiên điều chỉnh cạn vol trước đó + giữ trên hỗ trợ -> khả năng sớm quay trở lại xu hướng tăng
4	VGI	Quan sát mua	19/10/20	27.6	31	Các phiên điều chỉnh cạn vol khi về lại MA50 -> một phiên tăng tốt vol cao trở lại sẽ cho khả năng bước vào nhịp tăng, vượt đc 28.8 sẽ tích cực hơn

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	21/09/20	107.4	103.6	3.7%	112.5	8.6%	101.6	-2%	
2	HPG	Mua	28/09/20	29.1	25.75	13.0%	30	16.5%	25	-3%	
3	FPT	Nắm giữ	09/10/20	53.2	51.1	4.1%	56	10%	50	-2%	
4	BVH	Mua	12/10/20	53.9	49.8	8.2%	55	10%	48	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	TCM	Mua	15/10/20	23.8	23.9	-0.4%	27.5	15%	23.2	-3%	
6	SAB	Mua	16/10/20	188.5	190	-0.8%	210	11%	183	-4%	

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 16/10/2020								Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	960	0 %	-38%	6,024	61	54,400	0	KIS	CTD	77,830	9.6	16/12/2020
CFPT2003	7,300	13,900	20.9 %	90%	4,421	24	53,200	14,366	SSI	FPT	41,790	0.8	09/11/2020
CFPT2006	1,500	2,340	25.8 %	56%	20,186	13	53,200	2,330	HCM	FPT	43,460	4.2	29/10/2020
CFPT2007	1,690	2,100	23.5 %	24%	4,987	7	53,200	2,170	MBS	FPT	42,590	4.9	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,770	22.1 %	18%	95,938	90	53,200	1,348	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,750	19.6 %	11%	51,361	63	53,200	2,216	MBS	FPT	46,800	3.0	18/12/2020
CHPG2008	4,100	8,000	-1.2 %	95%	13,433	45	29,100	7,844	SSI	HPG	22,910	0.8	30/11/2020
CHPG2009	1,600	6,620	-1.1 %	314%	2,362	13	29,100	6,694	HCM	HPG	18,410	1.6	29/10/2020
CHPG2012	6,100	10,250	2.0 %	68%	2,778	94	29,100	9,486	SSI	HPG	21,680	0.8	18/01/2021
CHPG2013	6,900	12,090	0.6 %	75%	2,448	46	29,100	11,931	SSI	HPG	19,630	0.8	01/12/2020
CHPG2014	7,200	10,900	-2.4 %	51%	3,588	185	29,100	9,773	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	10,580	1.3 %	58%	2,706	136	29,100	9,591	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,510	-2.0 %	105%	10,186	90	29,100	4,230	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,910	0 %	79%	55,982	63	29,100	2,563	MBS	HPG	24,100	2.0	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,690	8.5 %	35%	2,480	24	17,850	2,479	SSI	MBB	15,650	0.9	09/11/2020
CMBB2005	2,000	320	-50.8 %	-84%	1,010	10	17,850	527	VCI	MBB	17,390	0.9	26/10/2020
CMBB2006	1,100	2,020	4.1 %	84%	7,129	13	17,850	2,068	HCM	MBB	14,350	1.7	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2007	1,400	2,100	2.9 %	50%	19,695	90	17,850	1,872	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMSN2001	2,300	3,080	-13.5 %	34%	6,764	61	80,000	2,908	KIS	MSN	65,790	5.0	16/12/2020
CMSN2005	2,100	3,780	-11.7 %	80%	3,603	13	80,000	4,013	HCM	MSN	60,000	5.0	29/10/2020
CMSN2006	1,900	4,810	-10.9 %	153%	5,624	90	80,000	4,883	HCM	MSN	56,000	5.0	14/01/2021
CMSN2008	1,530	4,740	-19.0 %	210%	3,113	52	80,000	5,446	MBS	MSN	53,000	5.0	07/12/2020
CMWG2006	2,000	380	0 %	-81%	3,222	10	108,400	7	VCI	MWG	110,000	5.0	26/10/2020
CMWG2007	12,900	23,290	-0.2 %	81%	3,076	45	108,400	21,724	SSI	MWG	87,000	1.0	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,150	-11.9 %	65%	1,673	11	108,400	2,348	HCM	MWG	85,000	10.0	27/10/2020
CMWG2009	1,600	3,210	-1.2 %	101%	4,722	7	108,400	3,306	MBS	MWG	82,000	8.0	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,890	-2.0 %	106%	55,830	90	108,400	2,701	HCM	MWG	82,000	10.0	14/01/2021
CMWG2011	2,980	5,050	0 %	69%	2,212	63	108,400	4,371	MBS	MWG	87,000	5.0	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,200	-3.7 %	41%	5,747	115	108,400	5,834	SSI	MWG	80,000	5.0	08/02/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	61	62,300	9	KIS	NVL	65,890	4.0	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,170	0.9 %	9%	151	145	62,300	746	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	150	-6.3 %	-93%	2,787	10	68,100	(0)	VCI	PNJ	75,000	5.0	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	780	34.5 %	-22%	44,761	13	68,100	816	HCM	PNJ	60,000	10.0	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	1,240	24.0 %	24%	81,554	90	68,100	960	HCM	PNJ	59,000	10.0	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	3,100	20.2 %	86%	25,193	35	68,100	3,051	MBS	PNJ	53,000	5.0	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,920	14.0 %	29%	18,888	115	68,100	3,715	SSI	PNJ	50,000	5.0	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,370	7.2 %	137%	1,245	13	41,600	2,326	HCM	REE	30,000	5.0	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,900	-0.3 %	148%	10	7	41,600	4,039	MBS	REE	29,500	3.0	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,570	2.4 %	98%	4,065	90	41,600	2,335	HCM	REE	32,500	4.0	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	0 %	-84%	18,350	61	2,210	(0)	KIS	ROS	7,230	1.0	16/12/2020
CSBT2001	2,900	420	-22.2 %	-86%	522	61	16,000	0	KIS	SBT	21,110	1.0	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,350	0 %	38%	6,251	61	13,750	1,921	KIS	STB	11,890	1.0	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,970	-3.3 %	112%	15,741	45	13,750	2,791	SSI	STB	11,000	1.0	30/11/2020
CSTB2005	1,080	1,020	-6.4 %	-6%	11,527	18	13,750	979	KIS	STB	11,810	2.0	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,350	-0.7 %	-10%	2,801	171	13,750	749	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2008	1,500	3,650	-4.0 %	143%	4,943	35	13,750	3,580	MBS	STB	10,200	1.0	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,200	-3.0 %	94%	23,387	63	13,750	2,907	MBS	STB	10,900	1.0	18/12/2020
CTCB2003	2,000	290	-61.3 %	-86%	8,258	10	22,650	(0)	VCI	TCB	25,000	1.0	26/10/2020
CTCB2005	3,000	2,250	-9.6 %	-25%	19,535	45	22,650	837	SSI	TCB	22,000	1.0	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,170	-13.6 %	81%	11,256	13	22,650	2,335	HCM	TCB	18,000	2.0	29/10/2020
CTCB2007	1,700	2,160	-4.0 %	27%	69,844	90	22,650	1,418	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,980	-17.5 %	15%	65,708	63	22,650	1,379	MBS	TCB	20,000	2.0	18/12/2020
CVHM2001	3,100	860	-2.3 %	-72%	301	61	77,000	0	KIS	VHM	94,570	5.0	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,880	-4.3 %	-58%	4,264	45	77,000	1,412	SSI	VHM	77,000	1.0	30/11/2020
CVHM2003	1,000	770	-2.5 %	-23%	54,063	13	77,000	708	HCM	VHM	70,000	10.0	29/10/2020
CVHM2005	1,400	860	0 %	-39%	64,935	90	77,000	192	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,920	-1.0 %	-34%	10,782	115	77,000	945	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVJC2001	2,400	130	0 %	-95%	2,529	61	105,000	(0)	KIS	VJC	173,140	10.0	16/12/2020
CVJC2002	1,900	120	0 %	-94%	20,679	13	105,000	(0)	HCM	VJC	116,000	10.0	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,410	1.4 %	-30%	3,526	115	105,000	708	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVNM2004	17,500	18,240	2.6 %	4%	3,389	45	107,400	15,258	SSI	VNM	95,550	0.8	30/11/2020
CVNM2005	1,500	3,030	-8.2 %	102%	831	13	107,400	2,974	HCM	VNM	83,400	8.1	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,520	0 %	-37%	2,306	145	107,400	409	KIS	VNM	112,460	8.1	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,290	-0.4 %	27%	4,015	90	107,400	1,784	HCM	VNM	93,520	8.2	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,720	0 %	50%	10,463	52	107,400	2,439	MBS	VNM	87,780	8.2	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,760	4.2 %	3%	1,923	115	107,400	2,205	SSI	VNM	90,240	8.2	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,840	27.8 %	-46%	46,742	45	24,600	879	SSI	VPB	24,000	1.0	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,130	25.6 %	-34%	69,253	13	24,600	1,062	HCM	VPB	22,500	2.0	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,970	11.9 %	9%	67,028	90	24,600	1,435	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,400	10.6 %	47%	63,917	35	24,600	2,229	MBS	VPB	20,200	2.0	20/11/2020
CVRE2003	3,000	190	5.6 %	-94%	11,244	61	27,500	0	KIS	VRE	38,000	2.0	16/12/2020
CVRE2005	4,000	1,540	1.3 %	-62%	7,835	45	27,500	335	SSI	VRE	28,000	1.0	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,140	-4.2 %	4%	1,850	13	27,500	1,131	HCM	VRE	23,000	4.0	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2007	1,520	470	0 %	-69%	108,742	171	27,500	87	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,050	1.9 %	-13%	17,598	90	27,500	513	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
PVT (New)	HOSE	13,500	15,700	16/10/2020	666	1,757	21,242	11%	5.9%	8.9	0.6	10%
TCM (New)	HOSE	23,800	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC (New)	HOSE	11,000	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC (New)	HOSE	14,600	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	19,800	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	11,900	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
ACV	UPCOM	62,400	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
NLG	HOSE	26,550	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
IMP	HOSE	47,300	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
CTD	HOSE	54,400	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD	HOSE	46,200	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB	HOSE	88,200	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST	HOSE	50,700	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR	HOSE	55,300	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	27,500	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,300	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	108,400	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	62,300	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,050	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	117,900	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%

*** Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.**
**** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.**

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%
Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.
Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).
Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5413 7991
Web: www.phs.vn